

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2021

V/v hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 314/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021:

* Nguyên đơn: Anh Tạ Bá Q, sinh năm 1976

Nơi cư trú: huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

* Bị đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1978

Nơi cư trú: thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Anh Q và chị L đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tạ Bá Q trình bày:*

Anh và chị Đỗ Thị L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Thái Thụy vào ngày 04/02/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể đến năm 2006 thì vợ anh bắt đầu chơi bời, cờ bạc, nợ nần khiến anh phải bán nhà của hai vợ chồng đi để trả nợ. Anh đã nhiều lần trả nợ và tha thứ cho chị L nhưng chị L không thay đổi. Đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhiều lần đánh chửi nhau làm ăn chán nản chơi bời, có đi lại với người phụ nữ khác. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, vợ chồng anh sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có ba con chung là Tạ Bá D1, sinh ngày 11/4/1998 đã trưởng thành, có thể tự lao động; Tạ Bá N, sinh ngày 13/5/2005 và Tạ Bá Q,

sinh ngày 21/01/2019. Ban đầu anh có nguyện vọng giao cho chị L trực tiếp nuôi hai con chung chưa thành niên. Tuy nhiên, tại phiên Tòa chị L có nguyện vọng giao cả hai con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý với chị L, anh xin được nuôi cả hai con chung và cam kết đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị L chỉ có tài sản chung là một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình, giá trị không lớn nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L có nợ một số khoản vay và vào phường, như anh đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Anh đã phải trả thay chị L, hiện nay chỉ còn một ít nợ, anh đã thỏa thuận nhận nợ với chủ nợ, họ đã đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Chị L bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa chị L trình bày:*

Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án về việc anh Q xin ly hôn chị. Chị đã đề nghị Tòa án cho chị thời gian để chị thuyết phục anh Q suy nghĩ lại. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị đã nhiều lần thuyết phục anh Q quay về với gia đình nhưng anh Q không chấp nhận. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh Q bỏ bịch lăng nhăng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không muốn ly hôn. Chị muốn vợ chồng chung sống để cùng nhau nuôi dưỡng con cái.

Về con chung: Chị và anh Q có 3 con như anh Q đã trình bày. Từ khi ly thân đến nay chị nuôi cháu Quang, còn anh Q gửi cháu Ngọc cho bố mẹ anh Q nuôi dưỡng. Cháu Quang ở với chị phát triển tốt. Trước khi mở phiên tòa chị không thể hiện quan điểm về con chung. Tại phiên tòa chị trình bày hiện nay chị phải thuê nhà trọ, sức khỏe yếu nên chị nhường quyền nuôi cả hai con chưa thành niên cho anh Q nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do không đồng ý ly hôn nên mặc dù đã được Tòa án thông báo, giải thích nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị không trình bày quan điểm về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Do trong thời gian sống ly thân, anh Q không chu cấp cho chị nuôi con nên chị đã phải vay và vào phường một số khoản như anh Q đã trình bày để lấy tiền nuôi con. Hiện nay anh Q đã trả gần hết, số tiền còn lại anh Q đã thỏa thuận với những người cho vay và chủ phường nên chị đồng ý không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Xử cho anh Tạ Bá Q được ly hôn chị Đỗ Thị L; Về quan hệ con chung: Giao anh Q trực tiếp nuôi 02 con Đỗ Triệu Phong và Đỗ Quốc Triệu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải

quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn D, huyện Thái Thụy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn 03 lần thay đổi nơi cư trú nhưng đều tại thị trấn D, huyện Thái Thụy. Vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Bá Q và chị Đỗ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/02/1997. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do tính tình không hợp, bất đồng về cung cách làm ăn, chi tiêu trong gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị L mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tòa án đã giành nhiều thời gian để vợ chồng chị hòa giải và để chị L thuyết phục anh Q nhưng đến phiên Tòa anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Chị L cũng thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh Q. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh Q và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Q được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Q và chị L có 03 con chung là Tạ Bá D1, sinh ngày 11/4/1998 đã trưởng thành, có thể tự lao động; Tạ Bá N, sinh ngày 13/5/2005 và Tạ Bá Q, sinh ngày 21/01/2019. Tạ Bá D1 đã đủ 18 tuổi có thể tự lao động. Tại phiên Tòa, chị L có nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng, anh Q đồng ý nhất trí. Xét thấy cháu Ngọc cũng có nguyện vọng ở cùng bố và anh Q có công việc tương đối ổn định, có đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai con chung chưa thành niên cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Q xác định vợ chồng chỉ có 01 số tài sản nhỏ, không có giá trị lớn nên anh Q rút yêu cầu giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của anh Q là tự nguyện và hợp pháp nên cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản của anh Q. Mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày và cung cấp chứng cứ về tài sản chung, nợ chung nhưng chị L từ chối trình bày, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ về tài sản chung, nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng anh Q, chị L. Khi nào

các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q khai còn nợ ông Nguyễn Ngọc Sơn, chị Hoàng Thị Tươi và chị Bùi Thị Thùy đều trú tại thôn Đồng Công, xã Minh Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Tòa án đã thông báo cho ông Sơn, chị Tươi và chị Thùy và giải thích cho họ về quyền và nghĩa vụ khởi kiện yêu cầu đòi nợ của họ. Ông Sơn, chị Tươi và chị Thùy đều xác nhận anh Q đã trả phần lớn nợ, số còn lại ông Sơn, chị Tươi và chị Thùy đã thỏa thuận với anh Q nên họ có đơn xin rút yêu cầu trả nợ và không nộp tạm ứng án phí. Vì vậy HĐXX không đưa chị Tươi, chị Thùy và ông Sơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Q và chị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Tạ Bá Q ly hôn chị Đỗ Thị L.

2. *Về con chung:* Anh Q và chị L có 03 con chung là Tạ Bá D1, sinh ngày 11/4/1998 đã trưởng thành, có thể tự lao động; Tạ Bá N, sinh ngày 13/5/2005 và Tạ Bá Q, sinh ngày 21/01/2019. Giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng Tạ Bá Q và Tạ Bá N. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị Đỗ Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Anh Tạ Bá Q và chị Đỗ Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh Q, chị L. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí:* Anh Tạ Bá Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) anh Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002458 ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí và trả lại anh Q 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Tạ Bá Q và chị Đỗ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/6/2021.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

- UBND xã Thị trấn D (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

